

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 72/2025/HS-PT
Ngày: 22 - 8 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Bà Võ Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên— Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm— Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2025/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6- Vĩnh Long).

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hoàng N, sinh năm: 1986 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); nơi cư trú: Số G, ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T; vợ: Dương Thị Cẩm N1; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 08/11/2023, ông Trương Tấn Đ, sinh năm 1973, nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) đến nhà của Nguyễn Hoàng N tìm ông Dương Hoàng T1, sinh năm 1966 (ông T1 là cha vợ của N) để nói chuyện liên quan đến việc ông T1 bị ngã xe trên đường dẫn đến xảy ra cự cãi với ông Đ trước đó. Tại nhà của N, lúc gặp nhau thì giữa ông Đ với ông T1 và N xảy ra mâu thuẫn, cự cãi dẫn đến ông Đ và N đánh nhau bằng nón bảo hiểm nhưng không xảy ra thương tích, sau đó được mọi người can ngăn nên N

đi vào nhà. Cùng lúc này thì Châu Hoàng N2, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) cũng đến nhà N để tìm ông Đ (ông Đ là cậu ruột của N2). Lúc này, N đang ở trong nhà nghe tiếng la lớn của bà Lê Thị C, sinh năm 1970 (bà C là mẹ vợ của N) trước cửa nhà nên đi ra xem thì nhìn thấy N2 đang bước vào nhà N, N nghĩ N2 đã đánh bà C nên liền lấy hai con dao có sẵn trong nhà, một tay cầm một con dao, chạy tới chỗ N2 đang đứng dùng tay phải có cầm dao chém nhiều cái vào người N2, N2 đưa tay lên đỡ thì trúng vào tay phải của N2 gây thương tích. Lúc này, N2 bị té ngã xuống đất bên cạnh có vỉ sắt nên N2 cầm lấy vỉ sắt quơ về phía của N nhằm mục đích để ngăn cản không cho N tiếp tục chém mình nhưng đã trúng vào người của bà C gây thương tích. Sau khi bị thương tích N2 đi về nhà và được gia đình đưa đến bệnh viện cấp cứu và điều trị thương tích, còn N nhờ người khác gọi điện thoại báo với Công an xã S toàn bộ vụ việc.

Tại Kết luận giám định số 54/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 01/3/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính: Sẹo vết thương 1/3 giữa mặt trong cẳng tay phải, kích thước trung bình. Sẹo mổ dọc 1/3 giữa mặt trước trong cẳng tay phải, kích thước trung bình. Đứt động mạch trụ tay phải đã khâu nối hiện tại kết quả tốt, không ghi nhận biến chứng. Tổn thương bán phần thần kinh trụ. Mối tương quan giữa mẫu vật với những tổn thương qua hồ sơ, tài liệu, trên người được đưa đến giám định: đặc tính gây thương tích là vật sắc của 02 con dao (mẫu vật gửi giám định) có mối tương quan trên tổn thương cơ thể của anh Châu Hoàng N2.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y và giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Châu Hoàng N2 tại thời điểm giám định là 27% (hai mươi bảy phần trăm), áp dụng phương pháp công tại Thông tư. Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động trực tiếp gây ra. Cả 02 con dao gửi giám định đều có thể tạo ra được vết thương trên cẳng tay phải theo giấy chứng nhận thương tích của Châu Hoàng N2.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 151/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 03/6/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính: Sẹo giữa trán, kích thước nhỏ.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y và giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị C tại thời điểm giám định là 03% (ba phần trăm). Cơ chế hình thành vết thương của bà Lê Thị C do vật tày có cạnh gây ra. Chiều hướng hình thành thương tích từ trên xuống dưới, từ trước ra sau. Mẫu vật gửi giám định có thể gây ra được thương tích của bà Lê Thị C.

Tại Kết luận giám định số 5100/KL-KTHS ngày 27/9/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trên vĩ sắt và hai con dao đều có dính máu người. Phân tích ADN từ các mẫu này thấy lẫn nguồn ADN, trong đó xác định được kiểu gen nam giới và trùng với kiểu gen của Châu Hoàng N2, không xác định được những kiểu gen khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6- Vĩnh Long) đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/5/2025, bị cáo Nguyễn Hoàng N kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo ở nhà chăm sóc cho vợ và con đang bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hoàng N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 08/11/2023, tại ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) mặc dù không có mâu thuẫn gì lớn nhưng với bản tính hung hăng, côn đồ, do nghĩ anh Châu Hoàng N2 là người đã đánh bà Lê Thị C (mẹ vợ của N) nên Nguyễn Hoàng N đã dùng dao là hung khí nguy hiểm chém nhiều cái vào tay phải của anh Châu Hoàng N2 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể được giám định là 27%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Nguyễn Hoàng N phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo bổ sung tài liệu chứng cứ mới như: đơn thuốc, giấy ra viện thể hiện ông Dương Hoàng T1 là cha vợ của bị cáo, chị Dương Thị Cẩm N1 là vợ của bị cáo và cháu Nguyễn Hoàng A là con của bị cáo bị bệnh. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã có xem xét chiều cố đáng kể khi quyết định hình phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính côn đồ nên căn cứ vào Điều 2, Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để cho hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hoàng N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long(1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 6- Vĩnh Long(3b);
- VKSND khu vực 6- Vĩnh Long (2b);
- Phòng THADS khu vực 6- Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Phú Phụng, tỉnh Vĩnh Long(1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn